

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 15/1999/PL-
UBTVQH10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 1999

PHÁP LỆNH

Về nghĩa vụ lao động công ích

Để huy động một phần sức lao động của công dân tham gia xây dựng, tu bổ các công trình vì lợi ích chung của cộng đồng; kịp thời phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ tư về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khoá X và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 1999;

Pháp lệnh này quy định nghĩa vụ lao động công ích của công dân.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Nghĩa vụ lao động công ích là nghĩa vụ của công dân đóng góp một số ngày công lao động để làm những công việc vì lợi ích chung của cộng đồng.

Điều 2

Nghĩa vụ lao động công ích quy định trong Pháp lệnh này bao gồm nghĩa vụ lao động công ích hằng năm và nghĩa vụ lao động công ích trong trường hợp cấp thiết khi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh.

Điều 3

Việc huy động công dân thực hiện nghĩa vụ lao động công ích do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo kế hoạch, đúng mục đích, bảo đảm công bằng, tiết kiệm và đạt hiệu quả thiết thực.

Điều 4

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định bằng văn bản để huy động công dân thực hiện nghĩa vụ lao động công ích. Trong trường hợp cấp thiết khi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, người có thẩm quyền được huy động trực tiếp bằng lời nói, nhưng chậm nhất sau 24 giờ, kể từ khi huy động phải có quyết định huy động bằng văn bản.

Điều 5

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để công dân tham gia lao động công ích.

Điều 6

Nghiêm cấm việc huy động và sử dụng lao động nghĩa vụ công ích trái với quy định của Pháp lệnh này.

Chương II

NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH HÀNG NĂM

Điều 7

Công dân Việt Nam, nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi, có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hàng năm.

Điều 8

Số ngày công nghĩa vụ lao động công ích hàng năm của mỗi công dân là 10 ngày.

Điều 9

Lao động công ích hàng năm được sử dụng để góp phần làm các công việc sau đây của địa phương :

- 1- Xây dựng, tu bổ đường giao thông;
- 2- Xây dựng, tu bổ các công trình thuỷ lợi; đối với việc xây dựng, tu bổ đê, kè thì thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống lụt, bão;
- 3- Xây dựng, tu bổ trạm y tế, nhà trẻ, trường, lớp mẫu giáo, trường phổ thông và công trình vui chơi, giải trí không vì mục đích kinh doanh;
- 4- Xây dựng, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ;
- 5- Xây dựng, tu bổ các công trình công ích có tính chất xã hội khác.

Điều 10

Những người sau đây được miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm :

- 1- Cán bộ, chiến sĩ thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân;
- 2- Công nhân, công chức quốc phòng và công an nhân dân làm việc ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo; công nhân, công chức quốc phòng thuộc các đội sửa chữa lưu động chuyên nghiệp;
- 3- Quân nhân xuất ngũ đang đăng ký ở ngạch dự bị hạng một;
- 4- Thương binh, bệnh binh và những người hưởng chính sách như thương binh;
- 5- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ;
- 6- Người giữ chức sắc tôn giáo chuyên nghiệp;
- 7- Người mắc bệnh tâm thần, động kinh hoặc có nhược điểm về thể chất mà không còn khả năng lao động;
- 8- Người bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên.

Điều 11

Những người thuộc diện thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm nhưng tại thời điểm huy động thuộc một trong những trường hợp sau đây thì được tạm miễn thực hiện :

- 1- Người đang điều trị, điều dưỡng; người duy nhất trong gia đình đang trực tiếp chăm sóc thân nhân bị ốm nặng;
- 2- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng của quân nhân tại ngũ có hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) chứng nhận;
- 3- Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng;
- 4- Người chồng mà vợ chết hoặc đã ly hôn đang trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng;
- 5- Người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc phục vụ thương binh nặng, bệnh binh nặng, người tàn tật bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- 6- Người thuộc lực lượng nòng cốt của dân quân tự vệ;
- 7- Cán bộ, công chức nhà nước được điều động đến làm việc có thời hạn ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo;

- 8- Thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện đang làm nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao;
- 9- Người là lao động duy nhất trong gia đình đang trực tiếp nuôi người khác không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động;
- 10- Người trong hộ gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thuộc diện hộ đói theo chuẩn mực do Chính phủ quy định;
- 11- Trưởng, phó công an xã, công an viên; trưởng thôn, xóm hoặc tương đương;
- 12- Nghiên cứu sinh, học viên cao học, thực tập sinh, sinh viên, học sinh học tập trung dài hạn tại các trường đại học, học viện, trường cao đẳng, trường trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường đào tạo của các tôn giáo; học sinh phổ thông; người đang dạy và người đang học để xóa mù chữ;
- 13- Người đang công tác, học tập, lao động ở nước ngoài.

Điều 12

Thời gian quân nhân dự bị hạng hai và dân quân tự vệ thuộc lực lượng rộng rãi tập trung huấn luyện, hội thao, thao diễn, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu được trừ vào thời gian thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm.

Điều 13

Ủy ban nhân dân cấp xã lập sổ theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm của công dân cư trú trên địa bàn theo mẫu thống nhất do Bộ lao động, thương binh và xã hội quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện). Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) để tổng hợp trong toàn tỉnh, làm cơ sở cho việc chỉ đạo, kiểm tra và lập kế hoạch sử dụng quỹ ngày công lao động công ích của địa phương.

Thời hạn báo cáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

Điều 14

Người trực tiếp lao động thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm phải hoàn thành định mức lao động hoặc khối lượng công việc do đơn vị sử dụng lao động công ích giao, nếu hoàn thành sớm thì được nghỉ trước thời gian quy định.

Điều 15

Người được huy động thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm, nếu không trực tiếp đi lao động thì phải có người làm thay hoặc đóng tiền.

Người làm thay phải từ đủ 18 tuổi đến hết 60 tuổi đối với nam, từ đủ 18 tuổi đến hết 55 tuổi đối với nữ và đủ sức khỏe hoàn thành định mức lao động hoặc khối lượng công việc được giao.

Mức tiền đóng thay cho mỗi ngày công do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định phù hợp với thực tế của từng khu vực tại địa phương, nhưng mức cao nhất không được vượt quá 120% tiền lương một ngày của mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định.

Điều 16

Người thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm nếu không trực tiếp đi lao động được mà đóng tiền thì phải nộp tiền cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Khi nhận tiền, Ủy ban nhân dân cấp xã phải giao biên lai cho người nộp tiền.

Điều 17

Nguồn lực từ nghĩa vụ lao động công ích hằng năm được phân bổ cho cấp tỉnh tối đa 10%, cho cấp huyện tối đa 20%, phần còn lại dành cho cấp xã.

Điều 18

1- Ủy ban nhân dân các cấp được lập quỹ ngày công lao động công ích của cấp mình từ nguồn nghĩa vụ lao động công ích hằng năm.

2- Toàn bộ quỹ ngày công lao động công ích phải được phản ánh vào ngân sách địa phương các cấp.

Số tiền thu được từ việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm bằng hình thức đóng tiền của cấp nào phải được nộp vào tài khoản riêng của cấp đó mở tại Kho bạc nhà nước.